TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**
Khóa học : CDK2023
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy
Ngày thi : 22/04/2025

Học kỳ: 2
Năm học: 2024
Phòng thi: Phòng A05
Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	23CĐ1A_05	Lê Hoàng	Chiến	24		6,4	Sáu, Bốn	Chiến	
2	002	23CĐ1A_06	Đỗ Anh	Chương	25		7,8	Bảy, Tám	Chương	
3	003	23CĐ1A_07	Nguyễn Thanh	Dân	26		7,4	Bảy, Bốn	Dân	
4	004	23CĐ1A_12	Lê Tiến	Đạt	27		8,6	Tám, Sáu	Đạt	
5	005	23CĐ1A_13	Phan Thành	Đạt	28		7,9	Bảy, Chín	Đạt	
6	006	23CĐ1A_08	Vòng Say	Dìn	29		3,0	Ba, Không	Dìn	
7	007	23CĐ1A_10	Phạm Tấn	Dũng	30		3,5	Ba, Năm	Dũng	
8	008	23CĐ1A_09	Phan Quốc	Duy	31		9,6	Chín, Sáu	Duy	
9	009	23CĐ1A_15	Tạ Lâm	Hiền	32		3,2	Ba, Hai	Hiền	
10	010	23CĐ1A_16	Nguyễn Huy	Hoàng	33		3,7	Ba Bảy	Hoàng	
11	011	20CĐ1A_15	Nguyễn Duy	Hưng	34		7,1	Bảy, Một	Hưng	
12	012	23CĐ1A_19	Nguyễn Nhất	Huy	35		6,1	Sáu, Một	Huy	
13	013	23CĐ1A_20	Hà Nguyên	Khang	36		7,2	Bảy, Hai	Khang	
14	014	23CĐ1A_22	Phú Phúc Út	Khang	37		8,6	Tám, Sáu	Khang	
15	015	23CĐ1A_24	Phạm Gia	Khiêm	38		7,0	Bảy, Không	Khiêm	
16	016	23CĐ1A_26	Hồ Công	Khởi	39		8,0	Tám, Không	Khởi	
17	017	23CĐ1A_28	Phạm Ngọc	Liêm	40		7,0	Bảy, Không	Liêm	
18	018	23CĐ1A_29	Trương Hoài	Linh	41		3,8	Ba, Tám	Linh	
19	019	23CĐ1A_31	Trịnh Hoàng	Lương	42		4,6	Bốn, Sáu	Lương	
20	020	23CĐ1A_32	Trần Nguyễn Hoài	Minh	43		4,8	Bốn, Tám	Minh	
21	021	23CĐ1A_33	Nguyễn Phương	Nam	44		8,8	Tám, Tám	Nam	
22	022	23CĐ1A_34	Trần Nhật	Nam	45		4,4	Bốn, Bốn	Nam	
23	023	23CĐ1A_35	Trương Minh	Nhật	46		8,4	Ba, Bốn	Nhật	
24	024	23CĐ1A_36	Nguyễn Hồng Minh	Nhựt	01		7,0	Bảy, Không	Nhựt	
25	025	23CĐ1A_37	Đinh Tiến Nhật	Quang	02		7,4	Bảy, Bốn	Quang	
26	026	23CĐ1A_38	Quách Trọng	Quang	03		6,0	Sáu, Không	Quang	
27	027	23CĐ1A_39	Đinh Nguyễn Anh	Quốc	04		5,0	Năm, Không	Quốc	
28	028	23CĐ1A_40	Lê Văn	Quỳnh	05		6,0	Sáu, Không	Quỳnh	
29	029	23CĐ1A_41	Phạm Hồng	Sơn	06		8,8	Tám, Tám	Sơn	
30	030	23CĐ1A_43	Nguyễn Đình	Tấn	07		3,9	Ba, Chín	Tấn	
31	031	23CĐ1A_44	Lê Minh Hữu	Thắng	08		4,6	Bốn, Sáu	Thắng	
32	032	23CĐ1A_45	Lê Phú	Thịnh	09		4,6	Bốn, Sáu	Thịnh	
33	033	23CĐ1A_47	Trịnh Ngọc	Thịnh	10		5,6	Năm, Sáu	Thịnh	
34	034	23CĐ1A_50	Lữ Ngọc Anh	Thơ	11		5,1	Năm, Một	Thơ	

35	035	23CĐ1A_48	Nguyễn Thành	Thọ	12		8,0 Tám, Không	
36	036	23CĐ1A_49	Trượng Văn	Thông	13		9,5 Chín, Năm	
37	037	23CĐ1A_51	Đinh Nguyễn Hòa	Thuận	14		6,1 Sáu, Một	
38	038	23CĐ1A_52	Trần Thanh	Tiền	15		4,9 Bốn, Chín	
39	039	23CĐ1A_54	Nguyễn Quốc	Trầm	16		7,6 Bảy, Sáu	
40	040	23CĐ1A_55	Nguyễn Hiếu	Trung	17		6,0 Sáu, Không	
41	041	23CĐ1A_56	Lê Quang	Trương	18		7,9 Bảy, Chín	
42	042	23CĐ1A_57	Hàng Thái	Tuấn	19		5,8 Năm, Tám	
43	043	23CĐ1A_58	Trần Quang	Tuấn	20		8,1 Tám, Một	
44	044	23CĐ1A_59	Võ Trọng	Tuyển	21		7,3 Bảy, Ba	
45	045	23CĐ1A_60	Nguyễn Quốc	Việt	22		8,5 Tám, Năm	
46	046	23CĐ1A_61	Nguyễn Thành	Vương	23		6,6 Sáu, Sáu	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 4 năm 2025

Tổng số: **46**

Số sinh viên có mặt: ..46.

Số sinh vắng mặt: ..0..

Số bài thi: ..46.

Số tờ giấy thi: ..46.

Giám thị 1

Huỳnh Hiếu Tài

Giám thị 2

Lê Hồ Ý Nhi

Duyệt

P. Trưởng khoa

Võ Thanh Việt

Thư ký khoa

Phan Thị Phương Trang